

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 43/2002/PL-
UBTVQH10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2002

PHÁP LỆNH

Bưu chính, viễn thông

Để phát triển nhanh và hiện đại hóa bưu chính, viễn thông, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bưu chính, viễn thông;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2002;

Pháp lệnh này quy định về bưu chính, viễn thông.

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí của bưu chính, viễn thông

Nhà nước xác định bưu chính, viễn thông là ngành kinh tế, kỹ thuật, dịch vụ quan trọng thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển bưu chính, viễn thông nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định hoạt động bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện (sau đây gọi là bưu chính, viễn thông); quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bưu chính, viễn thông.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về bưu chính, viễn thông khác với quy định của Pháp lệnh này thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Dịch vụ bưu chính" là dịch vụ nhận gửi, chuyển, phát bưu phẩm, bưu kiện thông qua mạng bưu chính công cộng.
2. "Dịch vụ chuyển phát thư" là dịch vụ nhận gửi, chuyển, phát thông tin dưới dạng văn bản được đóng gói, dán kín, có khối lượng đơn chiếc không quá hai kilôgam (02 kg) và gửi tới một địa chỉ cụ thể thông qua mạng bưu chính công cộng hoặc mạng chuyển phát.
3. "Thiết bị viễn thông" là các phương tiện kỹ thuật, bao gồm cả phần cứng và phần mềm được dùng để thiết lập mạng viễn thông, cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông.
4. "Thiết bị mạng" là thiết bị viễn thông được lắp đặt trên mạng viễn thông, bao gồm thiết bị truyền dẫn, thiết bị chuyển mạch và các thiết bị xử lý thông tin khác.
5. "Thiết bị đầu cuối" là thiết bị viễn thông được đấu nối trực tiếp hoặc gián tiếp đến điểm kết cuối của mạng viễn thông để gửi, xử lý và nhận các thông tin dưới dạng ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, âm thanh, hình ảnh qua mạng viễn thông.
6. "Điểm kết cuối" của mạng viễn thông là điểm đấu nối vật lý thuộc mạng viễn thông theo các tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo đảm việc đấu nối thiết bị đầu cuối của người sử dụng dịch vụ vào mạng viễn thông.
7. "Dịch vụ viễn thông" là dịch vụ truyền ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, âm thanh, hình ảnh hoặc các dạng khác của thông tin giữa các điểm kết cuối của mạng viễn thông.
8. "Đường truyền dẫn" là tập hợp các thiết bị truyền dẫn được liên kết với nhau bằng đường cáp viễn thông, sóng vô tuyến điện, các phương tiện quang học và các phương tiện điện từ khác.

9. "Tài nguyên thông tin" bao gồm kho số viễn thông, phổ tần số vô tuyến điện, tài nguyên Internet (in-tơ-nét) và quỹ đạo vệ tinh.

a) "Kho số viễn thông" là tập hợp các mã và số được đánh số theo quy hoạch thống nhất trong phạm vi cả nước để bảo đảm cho hoạt động của mạng và dịch vụ viễn thông.

b) "Phổ tần số vô tuyến điện" là dãy các tần số của sóng vô tuyến điện.

c) "Tài nguyên Internet" là tập hợp các tên và số được quy hoạch thống nhất trên phạm vi toàn cầu thuộc quyền quản lý của Việt Nam để bảo đảm cho hoạt động Internet.

d) "Quỹ đạo vệ tinh" là đường chuyển động của vệ tinh trong không gian thuộc quyền quản lý của Việt Nam.

10. "Sóng vô tuyến điện" là sóng điện từ có tần số thấp hơn ba nghìn gigahéc (3000 GHz) truyền lan trong không gian không có dẫn sóng nhân tạo.

11. "Ngh nghiệp vụ vô tuyến điện" là việc truyền dẫn, phát, thu sóng vô tuyến điện, bao gồm các nghiệp vụ vô tuyến điện cố định, di động, phát thanh, truyền hình, hàng không, hàng hải, dẫn đường (đạo hàng), định vị, vệ tinh, phát chuẩn và các nghiệp vụ khác.

12. "Thiết bị vô tuyến điện" bao gồm thiết bị thu, phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ vô tuyến điện.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về bưu chính, viễn thông

1. Phát huy mọi nguồn lực của đất nước để phát triển nhanh và hiện đại hoá bưu chính, viễn thông, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Ưu tiên đầu tư phát triển bưu chính, viễn thông đối với nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; có chính sách ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và thực hiện các nhiệm vụ công ích khác theo yêu cầu của Nhà nước.

3. Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh bưu chính, viễn thông trong môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch do Nhà nước

quản lý với đầy đủ các loại hình dịch vụ, bảo đảm chất lượng và giá cước hợp lý.

4. Tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bưu chính, viễn thông.

5. Tạo điều kiện ứng dụng và thúc đẩy phát triển công nghệ và công nghiệp bưu chính, viễn thông.

6. Mở rộng hợp tác quốc tế về bưu chính, viễn thông trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 6. Bảo vệ an toàn mạng bưu chính, mạng viễn thông và an ninh thông tin

1. Bảo vệ an toàn mạng bưu chính, mạng viễn thông và an ninh thông tin là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn mạng bưu chính, mạng viễn thông của mình và an ninh thông tin.

Điều 7. Các trường hợp được ưu tiên phục vụ

1. Các trường hợp sau đây được ưu tiên phục vụ:

a) Thông tin khẩn cấp về quốc phòng, an ninh;

b) Thông tin phục vụ chống lụt, bão, thiên tai khác, hoả hoạn, thảm hoạ khác;

c) Thông tin phục vụ cấp cứu và chống dịch bệnh;

d) Thông tin về an toàn, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Các thông tin khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

2. Trong trường hợp khẩn cấp do pháp luật về tình trạng khẩn cấp quy định, một phần hoặc toàn bộ mạng bưu chính, mạng viễn thông có thể được huy động để phục vụ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư, dịch vụ viễn thông

1. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng các dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư, dịch vụ viễn thông và phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, bưu phẩm, bưu kiện, vật phẩm, hàng hoá của mình theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư, dịch vụ viễn thông có trách nhiệm bảo đảm chất lượng dịch vụ và thực hiện đúng các quy định về giá cước dịch vụ do mình cung cấp cho người sử dụng theo quy định của pháp luật; có quyền từ chối cung cấp dịch vụ nếu tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật khi sử dụng dịch vụ và phải chịu trách nhiệm về việc từ chối của mình.

Điều 9. Bảo đảm bí mật thông tin

1. Bí mật đối với thông tin riêng chuyển qua mạng bưu chính, mạng viễn thông của mọi tổ chức, cá nhân được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Việc giữ bí mật thông tin bằng kỹ thuật mật mã trong bưu chính, viễn thông được thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

2. Việc kiểm soát thông tin trên mạng viễn thông và Internet; việc kiểm tra, thu giữ thư, bưu phẩm, bưu kiện chuyển qua mạng bưu chính công cộng và mạng chuyển phát phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh thì bị tạm đình chỉ hoặc đình chỉ cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông theo quy định của Chính phủ.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Phá hoại các công trình bưu chính, viễn thông hoặc cản trở hoạt động hợp pháp về bưu chính, viễn thông;

2. Thu trộm, nghe trộm thông tin trên mạng viễn thông; trộm cắp, sử dụng trái phép mật khẩu, khóa mật mã và thông tin riêng của tổ chức, cá nhân khác; sản xuất, mua bán, sử dụng tem bưu chính giả; chiếm đoạt, bóc mở, tráo đổi, tiết lộ nội dung thư, bưu phẩm, bưu kiện của tổ chức, cá nhân khác;

3. Cung cấp, sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông hoặc sử dụng tần số vô tuyến điện và thiết bị vô tuyến điện, thiết bị bưu chính, viễn thông nhằm mục đích chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây rối an ninh, trật tự, an toàn xã